KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 (EVF)

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực

Ngày 15/01/2024	16,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.4%	**47.8%**	**78.8%**

Tổng thu nhập *2023*

1,943 *tỷ VNĐ*

YoY: ▲ 799| 69.8%

Thu nhập lãi thuần *2023*

1,113 *tỷ VNĐ*

YoY: ▲ 194| 21.1%

LN sau thuế *2023*

604 *tỷ VNĐ*

YoY: ▲ 238| 65.0%

YOEA *2023*

16.4%

YoY: +/-▲ 8.3%

NIM *2023*

-0.1%

YoY: +/-▼ 0.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,897 - 18,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,761
Số lượng CPLH (CP)	704,248,289
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,451,090
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	1.09
EPS	857
P/E	18.7

Cơ cấu sở hữu

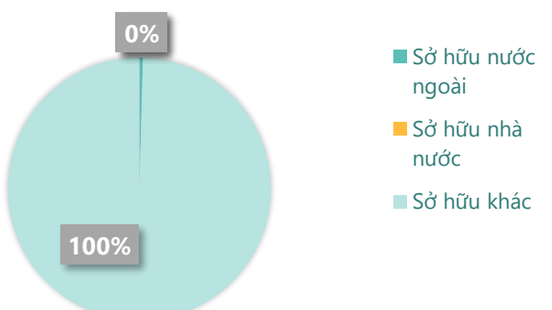

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

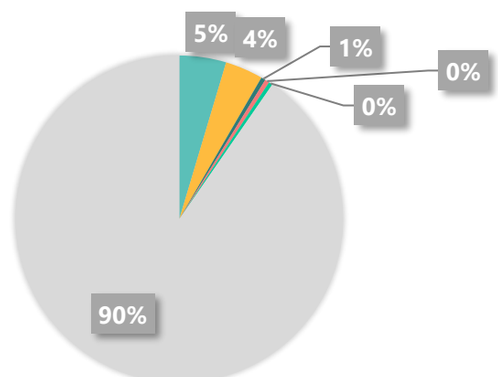

- Nguyễn Văn Cảnh
- Ngân hàng TMCP An Bình
- Lê Mạnh Linh (Thành viên HĐQT)
- Phạm Trung Kiên (Chủ tịch HĐQT)
- Mai Danh Hiền (Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

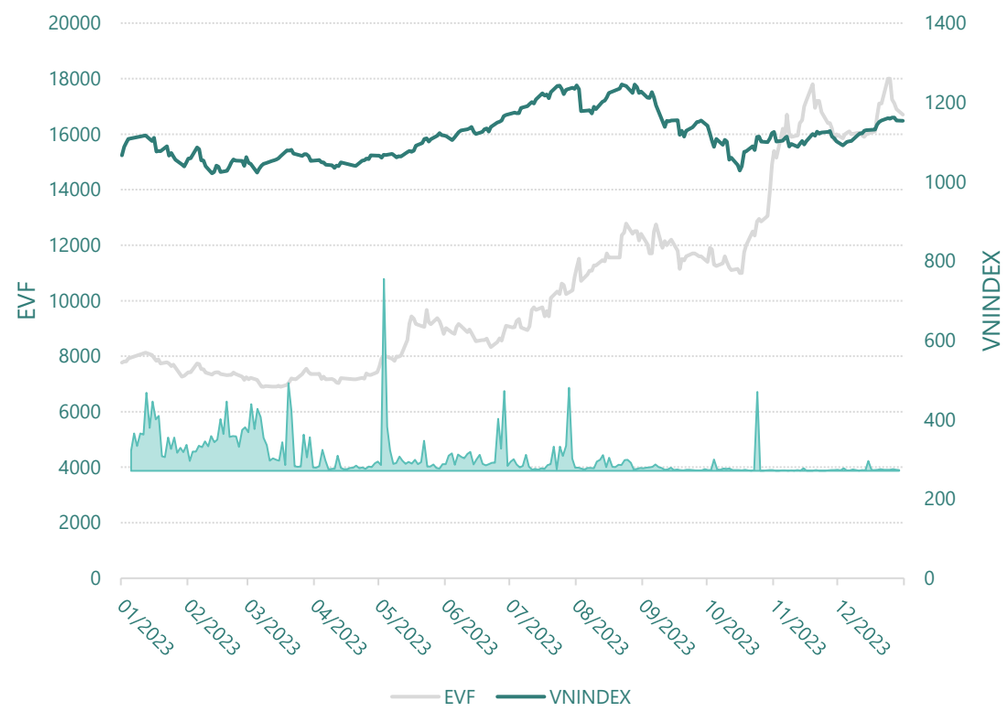

KẾT QUẢ KINH DOANH

Kết quả kinh doanh

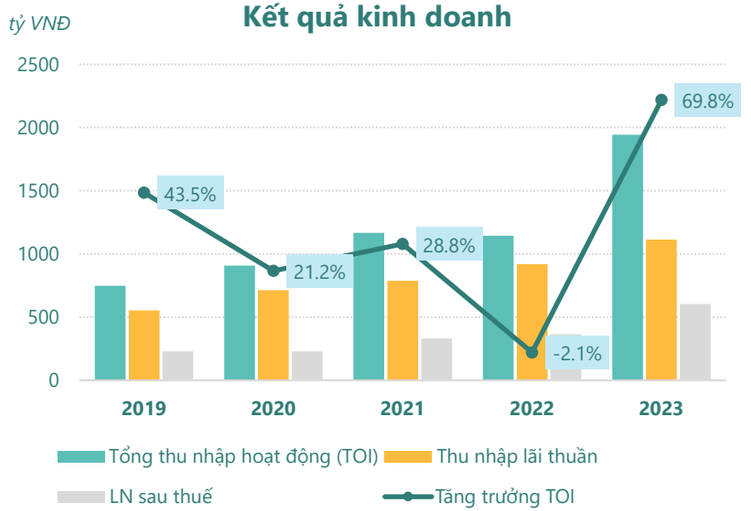

(Nguồn: fireant.vn)

Thu nhập thuần

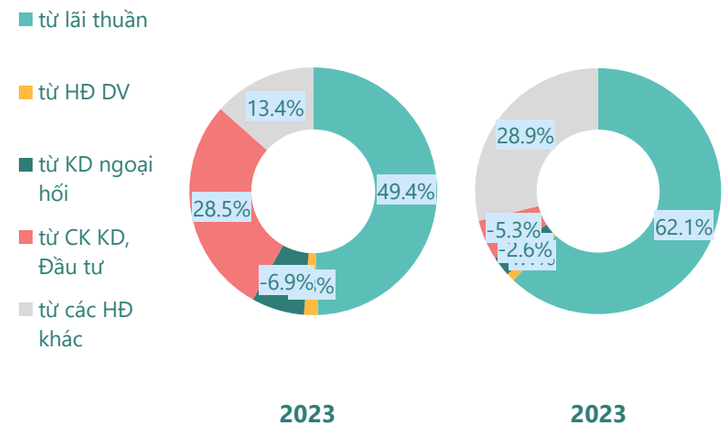

(Nguồn: fireant.vn)

Thu nhập lãi thuần và HĐ dịch vụ

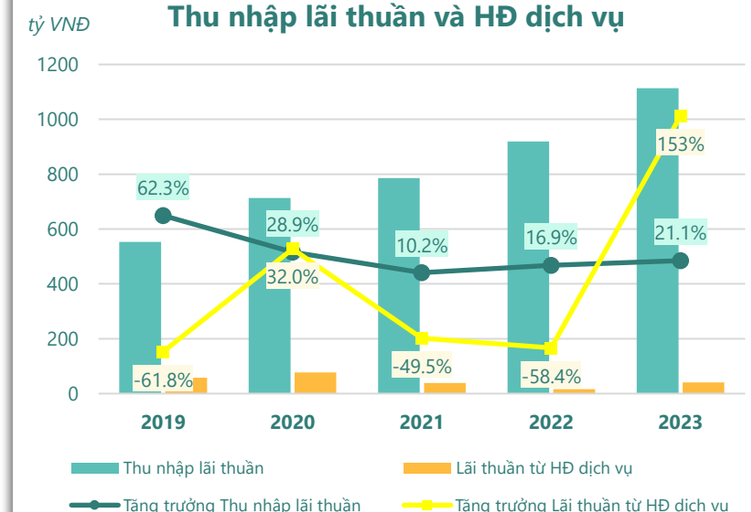

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng doanh thu lợi nhuận

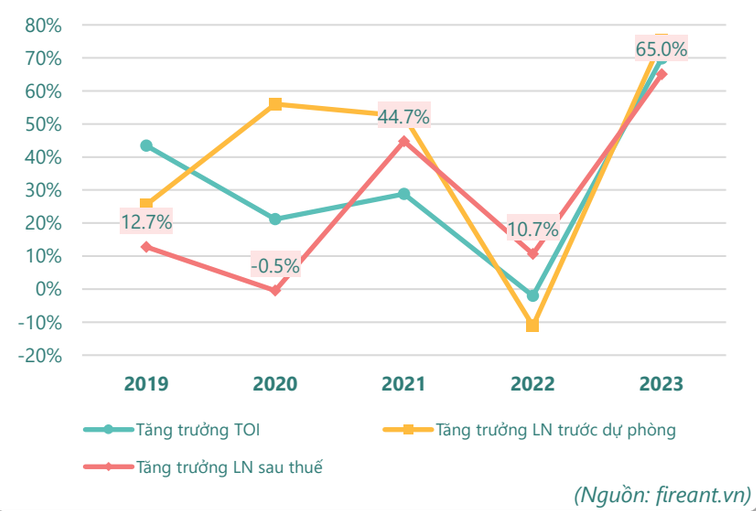

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi, Chi phí

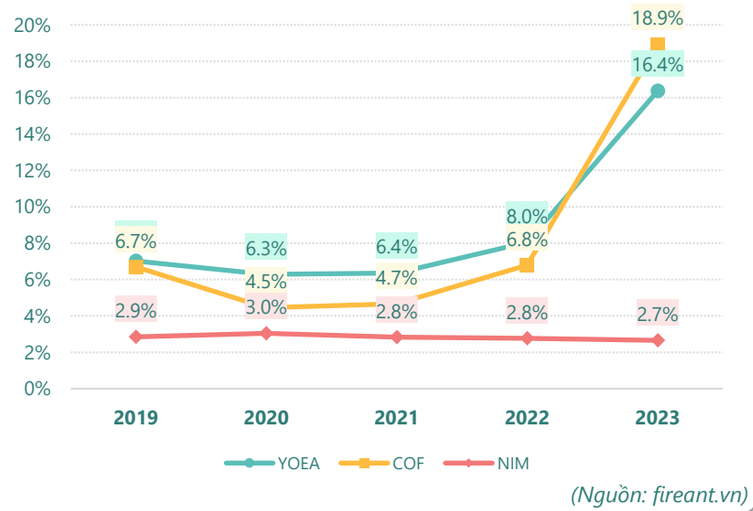

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

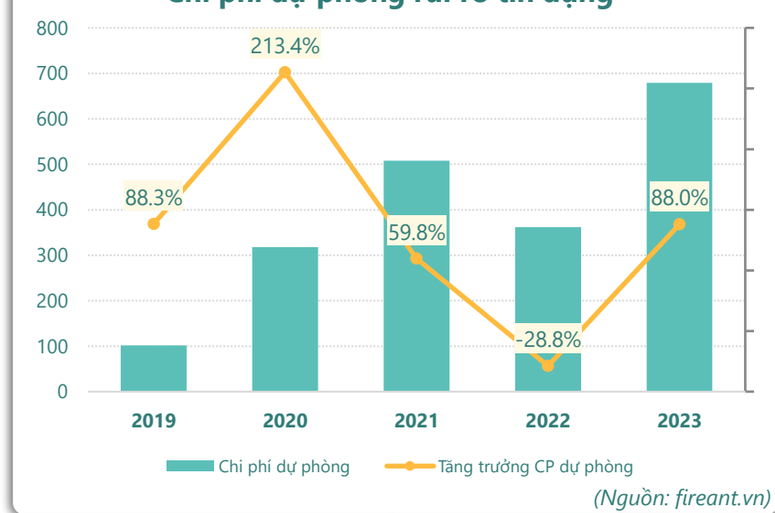

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tài sản sinh lãi

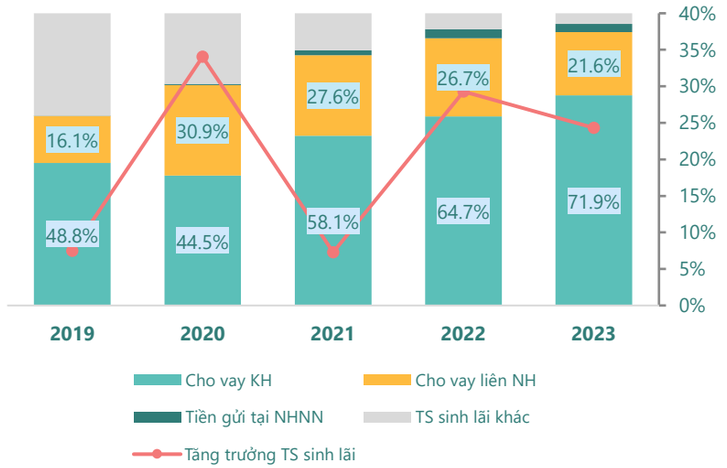

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản sinh lãi

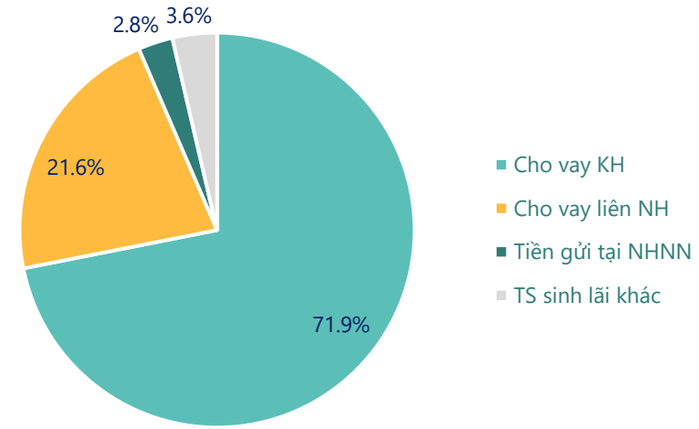

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Nợ

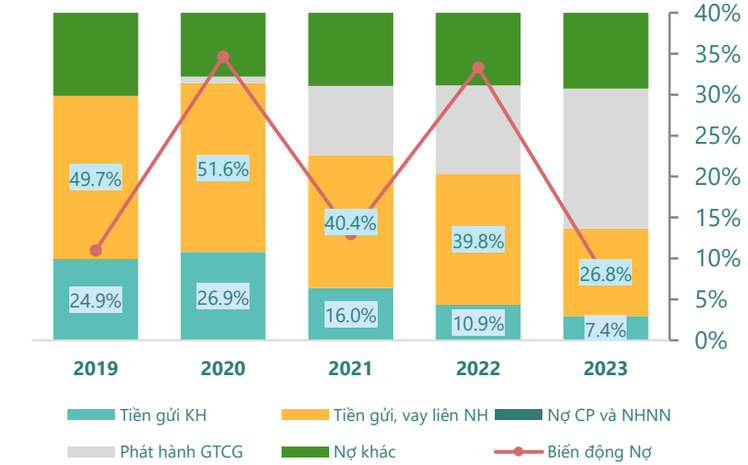

(Nguồn: fireant.vn)

Tiền gửi khách hàng

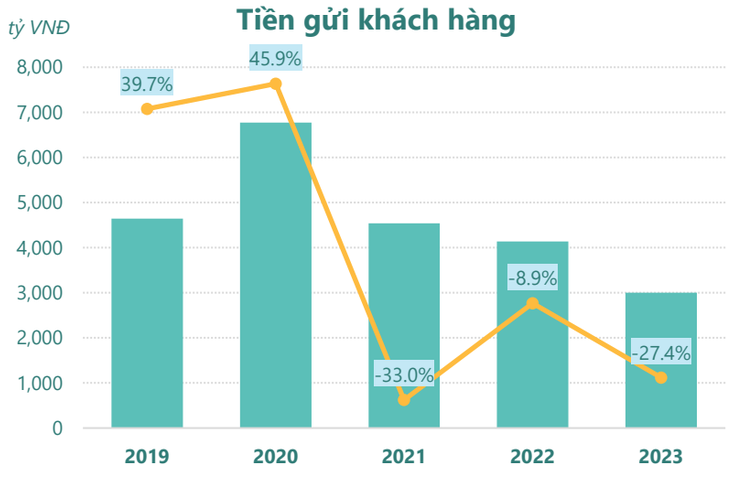

(Nguồn: fireant.vn)

Cho vay khách hàng

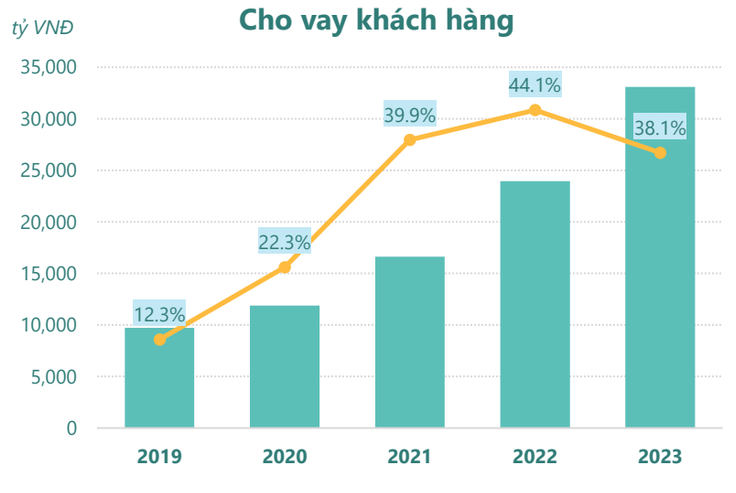

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng Cho vay - Tiền gửi

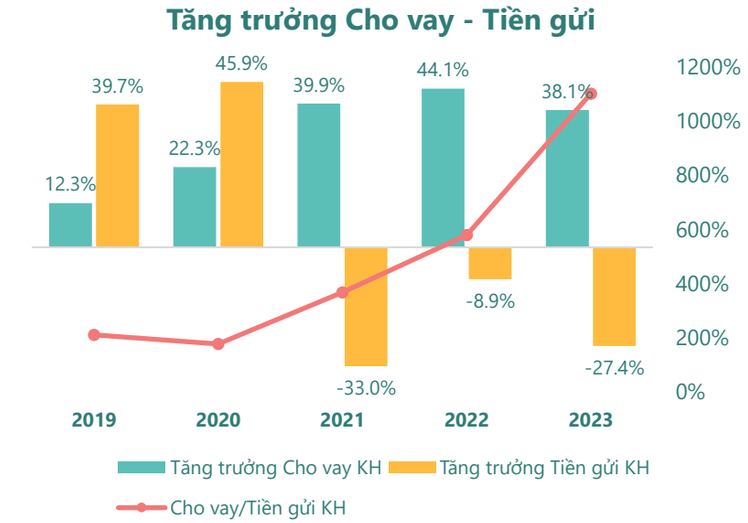

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ lệ chi phí trên thu nhập

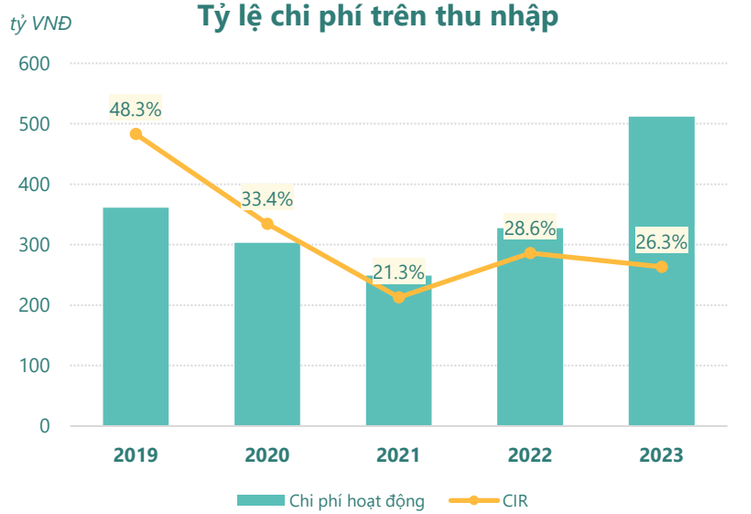

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu trên tổng vốn huy động

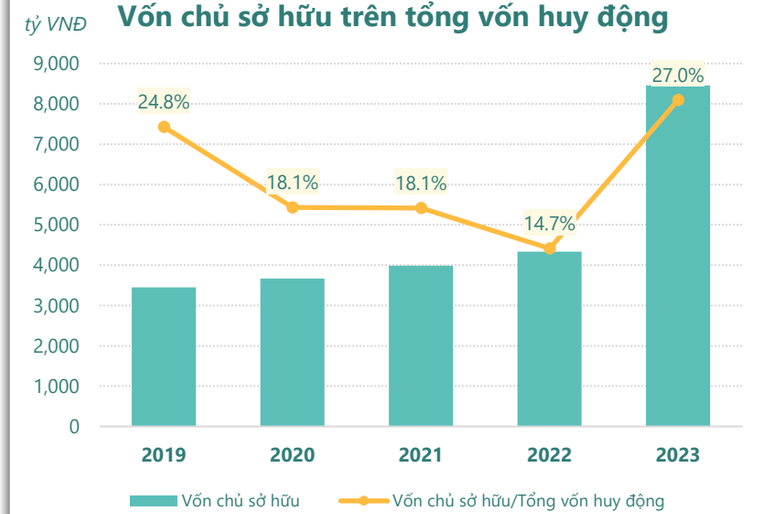

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ lệ an toàn vốn - CAR

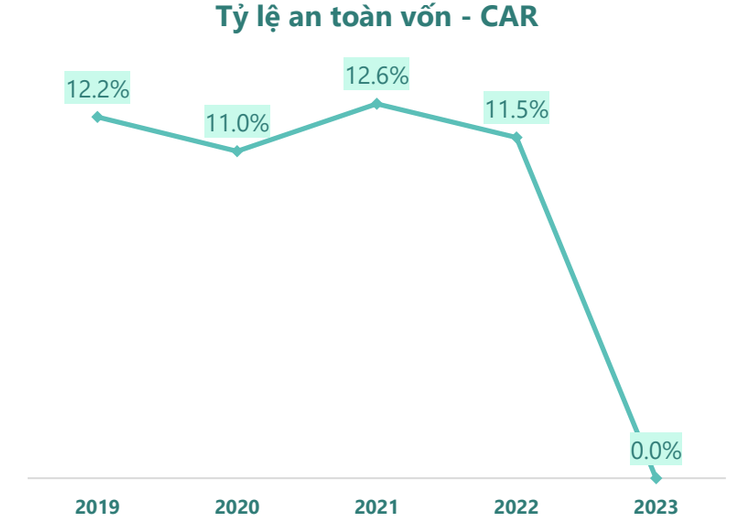

(Nguồn: fireant.vn)

Cho vay - Tiền gửi

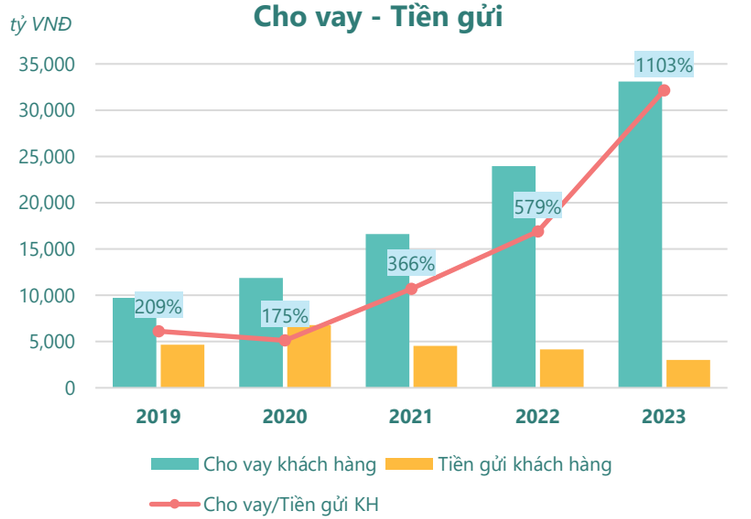

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ xấu

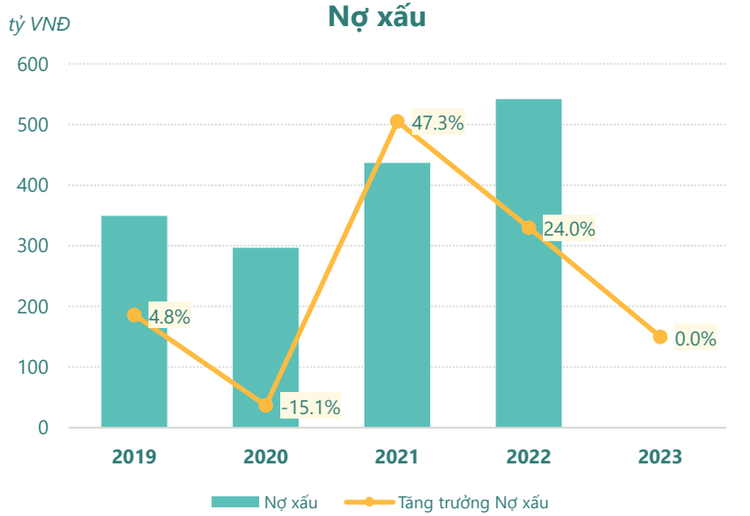

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ lệ nợ xấu và bao phủ nợ xấu

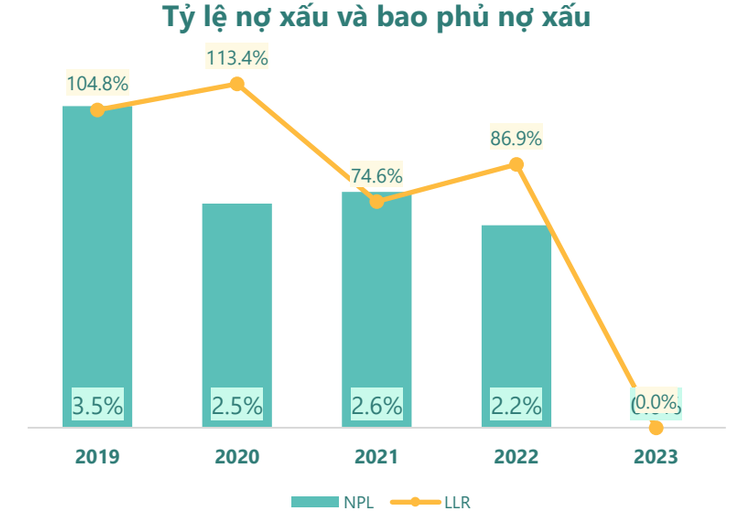

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023
Thu nhập lãi thuần	**713**	**786**	**919**	**1,113**
Lãi thuần từ HĐ dịch vụ	76.6	38.7	16.1	40.7
Lãi thuần từ KD ngoại hối	2.67	-1.77	-38.7	-156
Lãi thuần từ CK KD, Đầu tư	17.4	93.0	-78.5	642
Lãi thuần từ HĐ khác	92.1	242	223	98.6
Lãi thuần từ góp vốn mua cổ phần	4.62	9.87	103	204
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	**907**	**1,168**	**1,144**	**1,943**
Chi phí hoạt động	303	249	327	512
LN trước dự phòng	**603**	**919**	**817**	**1,431**
Chi phí dự phòng	318	508	361	679
LN trước thuế	**286**	**412**	**455**	**752**
Thuế	-57.3	-81.0	-89.6	-148
LN sau thuế	**228**	**331**	**366**	**604**
LN ròng	**228**	**331**	**366**	**604**

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6,027	-2,097	4,940	-3,222
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	32.2	-557	632	-460
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.34	-1.95	-1.65	3,880
Tiền đầu kỳ	2,092	8,150	5,494	11,065
Lưu chuyển tiền thuần	**6,058**	**-2,656**	**5,571**	**198**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8,150	5,494	11,065	11,263

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023
TỔNG TÀI SẢN	**28,805**	**32,387**	**42,198**	**49,221**
Tiền và TĐ tiền	1.98	5.27	2.63	1.55
Tiền gửi tại NHNN	101	487	1,178	1,305
Tín phiếu kho bạc và GTCG	0	0	0	0
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	8,255	7,906	9,884	9,956
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0
Các CCPS và các TS TC khác	0	0	0	117
Cho vay khách hàng	**11,884**	**16,629**	**23,957**	**33,093**
Chứng khoán đầu tư	6,456	3,616	2,005	1,560
Góp vốn đầu tư dài hạn	447	990	450	998
Tài sản cố định	77.9	87.7	81.9	75.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản có khác	1,582	2,667	4,639	2,115
Tổng nợ	**25,139**	**28,403**	**37,863**	**40,765**
Các khoản nợ CP và NHNN	0	0	0	0
Tiền gửi và vay các TCTD khác	12,965	11,467	15,063	10,912
Tiền gửi khách hàng	**6,773**	**4,538**	**4,136**	**3,002**
Các CCPS và nợ TC khác	0	0	13.4	0
Vốn tài trợ, uỷ thác ĐT mà NH chịu RR	4,529	5,701	7,421	8,016
Phát hành giấy tờ có giá	500	6,060	10,254	17,421
Các khoản nợ khác	372	637	975	1,414
Vốn chủ sở hữu	**3,666**	**3,984**	**4,335**	**8,456**
Lợi ích của CĐ không kiểm soát	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)